

THỰC TRẠNG CƠ CẤU ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

Ngô Văn Vụ,
Nguyễn Thị Thúy,
Trần Văn Thế⁺

Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây
+ Tác giả liên hệ • Email: tranvanthe.c20@gmail.com

Article History

Received: 06/4/2020

Accepted: 22/4/2020

Published: 08/5/2020

Keywords

teacher structure, number of teachers, school size, subject structure.

ABSTRACT

The issue of ensuring the number and structure of teachers has a significant impact on the quality of general education. To meeting the two requirements, the sufficiency in quantity and the harmonization of teacher structure with the current regulations, secondary schools encounter many problems. The paper presents the results of a survey of teachers at secondary schools in 9 suburban districts of Hanoi. This survey result will be the basis for proposing some solutions to develop the structure of teachers at secondary schools in suburban Hanoi.

1. Mở đầu

Ngành GD-ĐT Hà Nội những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Hệ thống trường, lớp các cấp học liên tục được đầu tư mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh (HS) trên địa bàn thủ đô; quy mô HS, giáo viên (GV) của các cấp học tăng nhanh (Nguyễn Văn Cao, 2018). Tuy nhiên, hiện nay, vẫn còn tình trạng mất cân đối về cơ cấu đội ngũ GV theo môn học ở nhiều trường trung học cơ sở (THCS) có quy mô nhỏ ở ngoại thành Hà Nội. Thực trạng này diễn ra do nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên những khó khăn cho các nhà trường trong quản lí, tổ chức các hoạt động dạy học và làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy học của nhà trường.

Việc nghiên cứu thực trạng cơ cấu đội ngũ GV làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm giảm áp lực cho người dạy ở một số môn học; đồng thời, nâng cao chất lượng dạy học của các trường THCS ngoại thành Hà Nội là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề liên quan đến cơ cấu đội ngũ giáo viên

2.1.1. Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ GV là một tập hợp (có tổ chức) những người làm nghề dạy học - giáo dục, có chung một nhiệm vụ là thực hiện các mục tiêu giáo dục đã đề ra cho tổ chức đó. Họ làm việc có kế hoạch, theo sự phân công của tổ chức, vì mục tiêu đã đề ra và gắn kết chặt chẽ với nhau thông qua các quyền lợi và trách nhiệm được thiết lập trong khuôn khổ quy định của pháp luật (Hoàng Đức Minh, 2017).

2.1.2. Số lượng và cơ cấu giáo viên

- Số lượng GV của trường THCS là tổng số GV tham gia các hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường THCS. Số lượng GV căn cứ trên tổng số lớp của trường và quy định về cách tính định mức biên chế theo quy định hiện hành của Nhà nước. Số lượng GV trên thực tế có thể biến động hàng năm do GV nghỉ hưu, chuyển trường và quy mô số lớp tăng giảm. Do vậy, hàng năm, nhà trường phải dự báo được quy mô phát triển số lớp, sự biến động của đội ngũ GV để xây dựng kế hoạch đảm bảo số lượng GV hợp lí, đáp ứng yêu cầu dạy học của nhà trường. Nhìn ở góc độ phát triển, đủ về số lượng cần được hiểu là số lượng GV trong một trường, một huyện phải đủ để tạo thuận lợi cho sự phát triển chuyên môn một cách bền vững. Nếu một môn học chỉ có 01 GV đứng chuyên môn giảng dạy thì việc nâng cao chất lượng giảng dạy của môn học đó sẽ gặp phải không ít khó khăn khi cần phải trao đổi chuyên môn và hỗ trợ nhau trong giảng dạy, phân biện đề thi, chấm bài, dự giờ,...

- Cơ cấu GV thường được tính trên các phương diện như: cơ cấu về giới tính, cơ cấu độ tuổi, cơ cấu trình độ, cơ cấu chuyên môn (theo môn học),... Cơ cấu GV hợp lí là phải đảm bảo sự cân đối, hài hòa về giới tính (có cả GV nam và nữ); về độ tuổi, phải đảm bảo tính kế thừa giữa các độ tuổi; về chuyên môn, phải đảm bảo đủ GV cho các bộ môn và tất cả các môn học đều có GV đứng chuyên ngành giảng dạy. Cơ cấu bất hợp lí là cơ cấu GV không đảm bảo được các yêu cầu trên.

2.1.3. Căn cứ để xác định số lượng và cơ cấu giáo viên

- *Căn cứ chương trình cấp học*: Chương trình cấp THCS có 13 môn học (nhiều hơn số môn học ở cấp tiểu học) và theo quy định, mỗi môn học đều phải do GV được đào tạo đúng chuyên ngành giảng dạy (Bộ GD-ĐT, 2006); trong khi đó, ở cấp tiểu học, tất cả các môn văn hóa chỉ do 01 GV giảng dạy, chỉ một số môn là có GV riêng. Điều này khiến cho số lượng và cơ cấu GV ở cấp THCS bắt buộc phải nhiều hơn ở cấp tiểu học mới đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Như vậy, tối thiểu nhất, cho dù số lớp quá ít thì một trường THCS vẫn cần phải có đủ 13 GV đúng chuyên môn cho 13 môn học bắt buộc. Số tiết quy định cho mỗi môn học/tuần trong chương trình THCS (Bộ GD-ĐT, 2006) cũng sẽ liên quan đến định mức giảng dạy của GV. Ở những môn học quy định mỗi tuần 1 tiết, thì trường THCS phải có ít nhất 18 lớp trở lên (trường loại II) (Bộ GD-ĐT, 2017c) mới đủ định mức giảng dạy cho 01 GV/môn học; với môn học có 2 tiết/tuần thì cứ 9 lớp sẽ đủ định mức giảng dạy cho 01 GV.

- *Căn cứ định mức giảng dạy của GV*: Theo quy định hiện hành, mỗi GV ở THCS hiện nay phải đảm bảo định mức giảng dạy là 19 tiết/tuần/người (Bộ GD-ĐT, 2017c). Quy định này sẽ đảm bảo được nếu trường có khoảng từ 28-30 lớp trở lên. Nhưng với các trường có số lớp ít hơn, đặc biệt là các trường loại III (có từ 18 lớp trở xuống) (Bộ GD-ĐT, 2011), thậm chí <12 lớp thì quy định này sẽ không thể đảm bảo.

- *Căn cứ quy mô trường lớp*: Cách tính định biên hiện nay dựa trên quy định là 1,9 GV/lớp đối với cấp THCS (Bộ GD-ĐT, 2017b). Như vậy, về lý thuyết, trường có số lớp càng nhiều thì số lượng GV càng lớn. Điều đáng nói ở đây là, quy định này mới chỉ tính đến tổng số GV cho mỗi trường song lại chưa tính đến cơ cấu GV theo môn học. Nên quy định này lại mâu thuẫn với quy định về định mức giờ dạy của GV.

- *Căn cứ đặc điểm giới tính và tâm sinh lý lứa tuổi HS*: Hiện nay, tỉ lệ HS nam và nữ ở các bậc học phổ thông là tương đương nhau, thậm chí ở nhiều nơi, tỉ lệ HS nam có phần nhiều hơn HS nữ. Do đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi rất khác với HS mầm non hay tiểu học nên nếu HS THCS chỉ được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục chủ yếu với các cô giáo mà không có các thầy giáo sẽ có một số khó khăn nhất định, ví dụ như có những thời điểm nhiều GV nữ cùng nghỉ thai sản, con ốm,...

2.2. Thực trạng số lượng và cơ cấu đội ngũ giáo viên trung học cơ sở một số huyện ngoại thành Hà Nội

2.2.1. Kết quả khảo sát thực trạng

Đối với các huyện ngoại thành Hà Nội, tháng 10/2018, chúng tôi tiến hành khảo sát quy mô trường lớp và cơ cấu đội ngũ GV của 258 trường THCS thuộc các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Ba Vì, Đông Anh, Sóc Sơn bằng phương pháp tổng hợp số liệu thống kê báo cáo của 258 trường và phòng GD-ĐT của 9 huyện nói trên. Kết quả thu được như sau:

- *Quy mô trường lớp và tỉ lệ GV trên lớp của các trường THCS một số huyện ngoại thành Hà Nội (bảng 1)*:

Bảng 1. Quy mô trường lớp và tỉ lệ GV trên lớp của các trường THCS một số huyện ngoại thành Hà Nội

STT	Huyện	Tổng số trường	Xếp hạng trường theo số lớp			Tổng số lớp	Số HS bình quân/lớp	Số GV bình quân/trường	Tỉ lệ GV/lớp
			Hạng I	Hạng II	Hạng III				
1	Thanh Oai	21	1	5	15	292	36,30	21,95	1,58
2	Ứng Hòa	30	0	1	29	314	32,26	22,40	2,14
3	Phú Xuyên	29	0	1	28	347	33,76	22,76	1,90
4	Đông Anh	26	4	17	5	570	40,96	37,23	1,70
5	Thường Tín	30	0	1	29	382	38,34	24,03	1,89
6	Mỹ Đức	23	1	5	17	308	33,73	35,13	2,62
7	Chương Mỹ	37	0	7	30	484	38,90	28,81	2,20
8	Sóc Sơn	27	2	16	9	538	39,96	40,74	2,04
9	Ba Vì	35	2	11	32	477	35,31	28,03	2,06
	Tổng	258	10	64	184	3712			

Từ bảng 1, có thể thấy:

+ *Về quy mô của các trường*: Các trường THCS ở các huyện được khảo sát hầu hết đều có quy mô nhỏ, chủ yếu là các trường hạng III. Trong tổng số 258 trường được khảo sát, có tới 184 trường có dưới 18 lớp; trong số đó, có 71 trường có từ 12 lớp trở xuống; thậm chí, một số trường có số lượng dưới 200 HS. Số HS trung bình trong một lớp của tất cả các huyện đều nhỏ hơn 41, cá biệt có huyện số HS trung bình chỉ khoảng 32,26 HS/lớp, thấp hơn nhiều so với mức cho phép.

+ Về số lượng GV của các huyện (tính cả số hợp đồng): Hầu hết các trường đều có số lượng GV cao hơn quy định là 1,9 GV/lớp (Bộ GD-ĐT, 2017a). Theo kết quả khảo sát, ở 9 huyện ngoại thành Hà Nội, mặc dù hầu hết các trường đều có tổng số GV vượt chỉ tiêu biên chế song qua tìm hiểu thêm, vẫn có nhiều trường một số môn học chỉ có 01 GV, thậm chí ở nhiều trường, một số môn học còn không có GV được đào tạo đúng chuyên ngành giảng dạy.

- Cơ cấu GV THCS theo giới tính và trình độ đào tạo của một số huyện ngoại thành Hà Nội (bảng 2):

Bảng 2. Cơ cấu GV THCS theo giới tính và trình độ đào tạo của một số huyện ngoại thành Hà Nội

STT	Huyện	Tổng số GV	Tỉ lệ GV nữ (%)	Trình độ đào tạo GV đạt chuẩn (%)	Trình độ đào tạo GV trên chuẩn (%)
1	Thanh Oai	461	82,65	22,34	77,66
2	Ứng Hòa	687	75,55	31,00	69,00
3	Phú Xuyên	703	77,52	26,13	73,87
4	Đông Anh	986	77,38	20,87	79,13
5	Thường Tín	753	81,41	22,18	77,82
6	Mỹ Đức	609	74,54	37,94	62,06
7	Chương Mỹ	1066	74,02	22,60	77,40
8	Sóc Sơn	1074	73,09	19,91	80,09
9	Ba Vì	981	76,45	27,93	72,07

Bảng 2 cho thấy:

+ Về trình độ được đào tạo của GV: có thể nói, GV THCS ở 9 huyện khảo sát đều đạt chuẩn và vượt chuẩn đào tạo theo quy định hiện hành (Bộ GD-ĐT, 2011); trong đó, tỉ lệ vượt chuẩn đạt tới trên 60%. Điều này góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục THCS của Hà Nội. Tuy nhiên, so với chuẩn trình độ GV THCS được quy định tại Luật Giáo dục 2019 thì còn một tỉ lệ GV vẫn chưa đạt.

+ Về cơ cấu giới tính: GV THCS chủ yếu là nữ với tỉ lệ trung bình của 09 huyện khảo sát là 76,45%; trong đó, cao nhất ở huyện Thanh Oai chiếm tới 82,65% và thấp nhất ở Sóc Sơn 73,10%. Như vậy, có thể thấy, có sự mất cân đối về giới tính trong đội ngũ GV THCS ở 9 huyện ngoại thành Hà Nội. Đây là hiện tượng khá đặc thù ở các trường THCS nói chung và ở ngoại thành Hà Nội nói riêng.

- Cơ cấu GV THCS theo môn học của một số huyện ngoại thành Hà Nội (bảng 3):

Bảng 3. Cơ cấu GV THCS theo môn học của một số huyện ngoại thành Hà Nội

Huyện	Tỉ lệ % GV các môn													
	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Văn	Lịch sử	Địa lí	Giáo dục công dân	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Ngoại ngữ	
													Tiếng Anh	Khác
Thanh Oai	14,02	5,52	4,93	6,42	18,40	6,37	4,04	4,80	6,58	7,90	4,56	4,67	11,79	
Ứng Hòa	20,16	6,36	4,65	6,05	19,69	4,50	5,12	3,72	5,89	5,89	4,19	3,72	10,08	
Phú Xuyên	18,04	5,50	4,74	6,12	19,88	6,12	5,96	4,59	3,36	7,19	3,98	3,67	10,86	
Đông Anh	19,17	5,83	4,69	6,25	19,69	4,90	5,52	3,44	3,44	7,81	3,65	3,65	11,98	
Thường Tín	24,39	4,45	4,02	4,88	23,39	4,16	3,87	3,44	3,59	4,30	4,45	4,30	10,76	
Mỹ Đức	20,61	5,89	4,61	4,99	20,36	5,51	4,99	3,59	4,99	6,40	3,59	3,46	11,01	
Chương Mỹ	20,64	5,82	3,94	6,38	20,17	5,44	4,41	2,91	3,85	7,22	3,75	4,41	10,69	0,38
Sóc Sơn	16,81	6,30	4,58	6,49	18,34	6,88	6,11	4,87	5,35	7,35	3,72	3,34	9,84	
Ba Vì	18,10	4,76	4,14	4,96	21,61	5,38	4,65	3,93	4,65	6,62	4,24	4,65	12,31	
Tỉ lệ GV môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông	14,04	4,39	3,51	7,02	14,04	5,26	5,26	3,51	5,26	7,02	3,07	3,07	10,53	

Bảng 3 cho thấy, nếu tính tổng thể trong toàn huyện thì cơ cấu GV theo môn học về cơ bản tương đối phù hợp với cơ cấu môn học trong chương trình THCS (Bộ GD-ĐT, 2006), (Bộ GD-ĐT, 2012). Tuy nhiên, khi tìm hiểu sâu hơn thì thấy xảy ra sự mất cân đối về tỉ lệ GV giữa các môn học trong một số trường. So với thời lượng của các môn

học trong chương trình phổ thông THCS (Bộ GD-ĐT, 2011), (Bộ GD-ĐT, 2006) thì GV các môn học thừa thiếu cục bộ ở các mức độ khác nhau: GV Toán, Văn thừa ở tất cả các huyện với tỉ lệ lớn; thiếu cục bộ GV của một số môn học khác như Mĩ thuật, Âm nhạc, Hóa học, Vật lí,... Cụ thể (bảng 4):

Bảng 4. Số lượng trường không có GV các môn: Vật lí, Hoá học, Sinh, Sử, Địa

STT	Huyện	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí
1	Thanh Oai	1	1	0	2	1
2	Ứng Hòa	0	3	0	6	1
3	Phú Xuyên	2	3	2	2	0
4	Đông Anh	0	0	1	2	0
5	Thường Tín	2	4	1	5	7
6	Mỹ Đức	1	0	1	0	2
7	Chương Mỹ	2	2	0	3	3
8	Sóc Sơn	0	0	0	0	0
9	Ba Vì	3	5	3	1	4
	Tổng số trường	11	18	8	21	18

Bảng 4 cho thấy, trong số 258 trường, có 18 trường không có GV môn Hóa học; 11 trường không có GV Vật lí, 21 trường không có GV Lịch sử; 18 trường không có GV Địa lí; 8 trường không có GV Sinh học. Trên dưới 50% các trường còn lại, mỗi trường chỉ có một GV của các môn học trên. Đặc biệt, có trường không có GV cả bốn môn: Vật Lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí và có trường không có GV cả ba môn Vật Lí, Lịch sử, Địa lí.

Như vậy, qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy có một vấn đề lớn đặt ra là sự mất cân đối trong cơ cấu GV các môn học ở hầu hết các trường THCS hạng III, đặc biệt là các trường có dưới 15 lớp. Tức là, có tình trạng thừa GV ở môn học này và thiếu GV ở môn học khác. Để đảm bảo định mức 19 tiết/tuần/GV, các nhà trường đã phải phân công GV dạy kiêm thêm những môn khác. Thực trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy học và tạo khá nhiều áp lực cho GV.

2.2.2. Một số bình luận

- Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những bất cập trên là do quy mô của các trường THCS ở các huyện ngoại thành của Hà Nội khá nhỏ. Trong các trường có quy mô nhỏ từ 12 lớp trở xuống, ngoài 3 môn Toán, Văn, Tiếng Anh (với 2 tiết/tuần/lớp) các môn còn lại (từ 1 đến 1,5 tiết/tuần/lớp) không đủ thời lượng để bố trí 01 GV giảng dạy (theo quy định, mỗi GV THCS phải dạy 19 tiết/tuần. Trong khi đó, có địa phương, số trường có từ 12 lớp trở xuống đã chiếm đến 80% tổng số trường trong huyện.

- Nhiều trường có quy mô nhỏ, thậm chí rất nhỏ (dưới 12 lớp), dẫn đến đội ngũ GV thừa thiếu cục bộ, đặc biệt là đối với một số môn học có thời lượng ít, dẫn đến tình trạng GV phải dạy kiêm thêm một số môn không đúng chuyên ngành đào tạo để đảm bảo đủ giờ định mức. Việc hỗ trợ, trao đổi chuyên môn, đánh giá giờ dạy trong những trường hợp này hết sức khó khăn. Tình trạng GV phải dạy kiêm thêm những môn không được đào tạo trong các trường THCS hiện nay đang gây ra những áp lực lớn cho GV và ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy học của nhà trường. Ở một khía cạnh khác, số lượng GV trong một trường ít dẫn đến việc hỗ trợ nhau trong các hoạt động dạy học, hoạt động ngoại khóa, phong trào cũng gặp nhiều khó khăn.

- Cách định biên hiện nay theo quy định là 1,9 GV/lớp đối với cấp THCS chỉ phù hợp với các trường hạng I nhưng chưa thực sự phù hợp với các trường hạng II, hạng III, đặc biệt là trường hạng III (dưới 18 lớp). Cho nên, trên thực tế, có tình trạng tổng biên chế GV và cơ cấu GV theo các môn học tính trong quy mô toàn huyện thì có thể đủ, song khi phân chia về các trường thì xảy ra những bất cập như trên.

- GV nữ chiếm đa số, đặc biệt là GV nữ trẻ có tỉ lệ rất cao. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động của nhà trường khi nhiều môn chỉ có 01 GV giảng dạy mà GV lại nghỉ thai sản trong thời gian dài.

- Một số huyện có số lượng GV (tính cả diện hợp đồng) vượt mức quy định khá nhiều với tỉ lệ trung bình GV/lớp > 2, cá biệt có huyện tỉ lệ này là 2,65. Với số lượng GV hợp đồng khá lớn có thu nhập theo lương thấp sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng dạy và học.

3. Kết luận

Qua những phân tích trên, có thể thấy, quy mô trường lớp quá nhỏ, cách tính định biên chưa tính đến cơ cấu môn học theo đặc thù cấp học là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến tình trạng mất cân đối về cơ cấu đội ngũ GV theo môn học ở nhiều trường THCS ngoại thành Hà Nội hiện nay. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy

học nói chung và chất lượng dạy học của các bộ môn mà GV phải dạy kiêm nói riêng. Những bất cập trên đây đòi hỏi cần phải có nhiều giải pháp căn cơ, trước mắt và lâu dài để khắc phục nhằm giảm áp lực cho người dạy ở một số môn học, đồng thời nâng cao chất lượng dạy học của các trường THCS ngoại thành Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông* (ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006).
- Bộ GD-ĐT (2011). *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011).
- Bộ GD-ĐT (2012). *Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2012 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở*.
- Bộ GD-ĐT (2017a). *Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập*.
- Bộ GD-ĐT (2017b). *Thông tư số 03/2017/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2017c). *Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập biên chế giáo viên*.
- Lê Bình (2014). *Các giải pháp quản lý phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở theo hướng chuẩn hóa*. Tạp chí Giáo dục, số 344, tr 12-13.
- Nguyễn Văn Cao (2018). *Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên các trường trung học phổ thông ngoài công lập ở thành phố Hà Nội*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 8, tr 60-62; 190.
- Hoàng Đức Minh (2017). *Phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.